

SỰ THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC CỦA ẤN ĐỘ TẠI ĐÔNG NAM Á TRONG THẾ CẠNH TRANH VỚI TRUNG QUỐC SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Trần Ngọc Dũng*, Nguyễn Duy Thái

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 135 Nguyễn Phong Sắc, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 9 tháng 8 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 31 tháng 8 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 1 năm 2023

Tóm tắt: Sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc của Trung Quốc từ sau cải cách 1978 cùng với sự thay đổi chính sách của quốc gia này tại Đông Nam Á đã làm thay đổi cán cân lực lượng trong khu vực, đe dọa vị thế và ảnh hưởng của Ấn Độ tại đây. Từ 1991 đến nay, Ấn Độ đã chuyển mình từ “chính sách hướng đông” (LEP) sang chính sách “hành động phía đông” (AEP) để chủ động trong việc duy trì vị thế, tạo lập ảnh hưởng đối với các quốc gia Đông Nam Á. Bài viết hướng đến việc phân tích tác động, vai trò của Trung Quốc, cụ thể là việc cạnh tranh Trung-Ấn đến sự thay đổi chính sách của Ấn Độ tại Đông Nam Á; cũng như sự khác biệt giữa hai chính sách để thấy sự thay đổi trong thái độ, cách tiếp cận của Ấn Độ. Tuy nhiên, dù có thay đổi như nào, bài viết cho rằng chính sách của Ấn Độ tại Đông Nam Á luôn theo sau và mang tính “phản ứng” trong thế đối phó với Trung Quốc hơn là việc chủ động giành lấy lợi thế trong cuộc chơi của các nước lớn.

Từ khóa: cạnh tranh Trung - Ấn, chiến lược của Ấn Độ tại Đông Nam Á, chính sách hướng đông, hành động phía đông

1. Mở đầu

Trung Quốc và Ấn Độ nắm những vai trò khác nhau trong trật tự châu Á hậu Chiến tranh lạnh. Trong khi Trung Quốc theo đuổi chủ nghĩa xét lại để đòi quyền lực bằng quan điểm tự tôn dân tộc thì Ấn Độ là hình mẫu của một cường quốc thích ứng (Sridharan, 2017, tr. 56; Bitounis & Price, 2020, tr. 65). Năm 2005, Thủ tướng Manmohan Singh tuyên bố rằng thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ của Ấn Độ trong cả kinh tế và chính trị (Singh, 2005). Tuy nhiên, tham vọng của Ấn Độ về tạo lập vị thế, vai trò trong khu vực và quốc tế bị hạn chế bởi chính sách thức hành động của quốc gia này và Ấn Độ luôn khiến người khác phải thực sự đau đầu cân nhắc về chiến lược của họ. Ấn Độ đã đề xuất nhiều dự án hợp tác với các nước Đông Nam Á, nhưng hầu hết trong

số đó xuất hiện sau những gì Trung Quốc đã làm. Ví dụ, khi Trung Quốc đề xuất Hành lang kinh tế Bangladesh, Trung Quốc, Ấn Độ và Myanmar (BCIM) thì Ấn Độ cũng tìm cách kết nối với Myanmar và Thái Lan. Khi Trung Quốc đưa ra “con đường tơ lụa” thì Ấn Độ đưa ra khái niệm về “con đường hương liệu” hay “con đường vải vóc” và nâng cấp thành “dự án gió mùa”. Trung Quốc dường như có những bước đi rõ nét hơn, sớm hơn còn Ấn Độ đi sau, phải mất khá nhiều thời gian để định hình chính sách và biến điều đó thành thực tiễn. Do đó, thông qua việc tìm hiểu những bước phát triển khác nhau, sự thay đổi trong chính sách của Ấn Độ ở Đông Nam Á, bài viết nhấn mạnh tính ứng phó của chính quyền New Delhi trước áp lực cạnh tranh của Trung Quốc trong khu vực. Từ một chiến lược yếu và thiếu nhiều

¹ Tác giả liên hệ

Địa chỉ email: tranngocdung.hcma@gmail.com

lĩnh vực cạnh tranh, Ấn Độ đã chủ động, tích cực và mạnh mẽ hơn trong việc can dự vào các vấn đề ở Đông Nam Á để cạnh tranh quyền lực và ảnh hưởng với Trung Quốc trong khu vực.

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, tác giả chủ yếu dựa vào lý thuyết của chủ nghĩa hiện thực, “nguồn lý luận quan trọng giải thích các hiện tượng xung đột, quyền lực và an ninh” trước những vận động và đua tranh quyền lực của các cường quốc hiện nay (Hoàng, 2017, tr. 27). Các học giả của chủ nghĩa hiện thực chỉ ra rằng con người (với đại diện là quốc gia) có tính ích kỷ, tư lợi và xu hướng ham muốn quyền lực; và quyền lực là một sự tồn tại tất yếu bởi nhu cầu của con người và lợi ích quốc gia (Paul & Mark, 2001, tr. 65). Cũng theo chủ nghĩa hiện thực, do môi trường quốc tế là vô chính phủ nên các quốc gia phải cạnh tranh với nhau, và tình trạng xung đột là thường xuyên. Các quốc gia phải tìm cách nâng cao an ninh quốc gia để đảm bảo lợi ích và sự tồn vong của mình. Như vậy, lợi ích quốc gia là từ khóa trong mối quan hệ giữa các cường quốc, là nguyên nhân dẫn đến sự cạnh tranh, tìm kiếm quyền lực giữa các nước. Trong môi trường đầy cạnh tranh, xung đột đó thì mỗi quốc gia đều cần quyền lực như là phương tiện đảm bảo an ninh, chủ quyền, và mở rộng lợi ích quốc gia. Đấu tranh giành quyền lực thực chất là trò chơi có tổng bằng 0, quyền lực nếu gia tăng ở nước này thì nước kia sẽ bị yếu đi. Việc cân bằng quyền lực có thể hạn chế xung đột và chiến tranh, đem lại sự ổn định trật tự trong quan hệ quốc tế (Hoàng, 2017, tr. 33-44). Khi soi chiếu lý thuyết của chủ nghĩa hiện thực vào cạnh tranh Ấn – Trung ở Đông Nam Á, chúng ta có thể thấy rằng, cả hai cường quốc đều khát khao khẳng định quyền lực của mình bằng cách mở rộng ảnh hưởng ở Đông Nam Á. Trong thế phát triển mạnh mẽ, quyền lực của Trung Quốc đang lớn dần và đe dọa nghiêm trọng vai trò, ảnh hưởng của Ấn Độ trong khu vực. Do đó, chính quyền New Delhi phải tìm mọi cách, mọi chiến lược để cân bằng

quyền lực, tức là gia tăng ảnh hưởng tại Đông Nam Á, nhằm tạo ra thế cân bằng quyền lực, duy trì tính ổn định lâu dài trong khu vực.

Bên cạnh lý thuyết về quyền lực, cân bằng quyền lực của chủ nghĩa hiện thực, bài viết cũng nhìn nhận chính sách của Ấn Độ ở Đông Nam Á dưới góc độ cạnh tranh chiến lược. Ở đó, cạnh tranh chiến lược chủ yếu là xung đột (Michael và cộng sự, 2008, tr. 23). Các học giả cũng chỉ ra rằng cạnh tranh chiến lược giữa các chủ thể quốc gia xảy ra ở mọi lĩnh vực như chính trị - ngoại giao, kinh tế, quân sự, văn hóa, công nghệ, quyền lực mềm,... Nhìn vào mối quan hệ Trung Quốc - Đông Nam Á - Ấn Độ, có thể thấy rằng khi chính quyền Bắc Kinh có những động thái gia tăng ảnh hưởng trên các lĩnh vực đối với Đông Nam Á thì New Delhi nhận thức rõ có sự thay đổi quyền lực và buộc phải tiến hành các hoạt động cạnh tranh chiến lược, nhằm hạn chế tối đa các mục tiêu mà đối thủ đề ra trong khu vực. Sự thay đổi của Ấn Độ từ “chính sách hướng đông” sang “hành động phía đông” chính là biểu hiện quan trọng của việc tìm cách cân bằng quyền lực và cạnh tranh chiến lược tại Đông Nam Á trong bối cảnh Trung Quốc gia tăng sức mạnh và ảnh hưởng.

2. Vị trí của Đông Nam Á trong chiến lược của Trung Quốc và Ấn Độ

Một trong những chính sách của Trung Quốc để khẳng định vai trò, tầm quan trọng của Đông Nam Á là chính sách ngoại giao lảng giềng hay ngoại giao xung quanh (Li & Yang, 2019, tr. 33). Điều đó càng được đặc biệt thể hiện khi Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình khẳng định rằng các nước, khu vực xung quanh Trung Quốc có ý nghĩa chiến lược cực kỳ quan trọng đối với chính quyền Bắc Kinh về cả góc độ địa lý, môi trường tự nhiên và quan hệ song phương (Xi, 2013). Ngược lại, Ấn Độ cũng khẳng định rõ tầm quan trọng của Đông Nam Á, cụ thể là ASEAN trong chính sách hướng đông

từ đầu thế kỷ XXI: “giai đoạn đầu tiên của chính sách hướng đông (LEP) tập trung vào ASEAN và hướng chủ yếu vào các môi liên kết thương mại và đầu tư. Giai đoạn mới của chính sách này được đặc trưng bởi khái niệm mở rộng về hướng đông, từ Australia đến Đông Á, với ASEAN là trọng tâm của chính sách” (Shina, 2003). Như vậy, dù là trong thập niên 1990 hay sang thế kỷ XXI, Đông Nam Á vẫn là trọng tâm trong chính sách mở rộng ảnh hưởng của Ấn Độ. Đến khi chính sách đó được nâng lên thành “hành động hướng đông” (AEP) thì ASEAN vẫn tiếp tục được coi là trung tâm của chính sách và của việc giúp Ấn Độ can dự vào công việc ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương (Modi, 2019). Nhìn một cách chung nhất, cả Ấn Độ và Trung Quốc rất coi trọng Đông Nam Á trong việc mở rộng ảnh hưởng trong khu vực. Chính điều đó đã tác động mạnh đến cạnh tranh chiến lược giữa hai nước ở khu vực này.

Về phía Trung Quốc, Đông Nam Á trước hết đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong việc bảo vệ an ninh quốc gia, triển khai chính sách ngoại giao láng giềng, là cơ sở của sự phát triển phồn vinh và mở rộng ảnh hưởng ra khu vực rộng lớn hơn là Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương (Võ, 2021, tr. 49-50). Hiện tại, chỉ có Biển Đông ở phía nam Trung Quốc với các quốc gia vừa và nhỏ là cửa ngõ duy nhất khả dĩ có thể giúp Trung Quốc khẳng định sức mạnh và vai trò của một cường quốc biển, và nơi đây được coi là “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc trong quá trình mở rộng ảnh hưởng. Đông Nam Á là cầu nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, là nơi cạnh tranh chiến lược của các nước lớn và là khu vực Trung Quốc đặc biệt coi trọng khi phía bắc và phía đông đã bị án ngữ bởi Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc. Do đó, Bắc Kinh một mặt mong muốn lôi kéo Đông Nam Á, một mặt lo sợ các quốc gia này bị các cường quốc khác khống chế để kiềm chế sự mở rộng của Trung Quốc. Không quá khó thấy rằng Trung Quốc luôn tìm cách xây dựng “cộng đồng chung vận mệnh” hay các

sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) với khu vực Đông Nam Á trước tiên. Cũng vì thế, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị đã thăm 4 quốc gia Đông Nam Á trong chuyến công du nước ngoài đầu tiên sau lễ nhậm chức của ông năm 2013 để thắt chặt hơn nữa quan hệ với các quốc gia xung quanh. Đặc biệt, khi mà Mỹ và các đồng minh thực hiện chiến lược “Tái cân bằng” rồi “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tự do và rộng mở” thì việc giữ được ảnh hưởng tại Đông Nam Á là vô cùng quan trọng đối với Bắc Kinh. Về kinh tế, Đông Nam Á luôn là đối tác, thị trường quan trọng của Trung Quốc, nhất là trong bối cảnh Bắc Kinh đang triển khai BRI và một loạt các sáng kiến khác để thúc đẩy các nước tiến vào quỹ đạo ảnh hưởng kinh tế của Trung Quốc. Biển Đông có trữ lượng dầu mỏ khoảng 213 tỉ thùng, khí đốt là 2.000 m³ trong khi năm 2014 Trung Quốc phải nhập 5,69 triệu thùng dầu/ngày, và dự kiến năm 2035 sẽ nhập 11,6 triệu thùng/ngày, tức là rất cần Đông Nam Á trong việc cung cấp nguồn năng lượng dự trữ (Vũ & Ninh, 2021, tr. 65). Từ 2009, Trung Quốc đã là thị trường thương mại lớn nhất của ASEAN. Trong giai đoạn 2010-2020, kim ngạch thương mại song phương tăng gấp đôi, từ 235,5 tỉ USD lên 516,9 tỉ USD. Đầu tư FDI từ Trung Quốc vào ASEAN cũng tăng hơn 2 lần trong giai đoạn trên, từ 3,6 tỉ USD lên 7,6 tỉ USD, chiếm 5,5% tổng FDI của khu vực và giúp Trung Quốc là nhà đầu tư lớn số 4 của ASEAN (The ASEAN Secretariat, 2021). Bên cạnh đó, Đông Nam Á cũng là khu vực có số lượng Hoa kiều vô cùng lớn, và năm 2020 đã vượt EU để trở thành đối tác hàng đầu của Bắc Kinh với tiềm năng kinh tế lên đến 3.000 tỉ USD (Nguyễn, 2020). Hoa kiều một mặt là đội ngũ quan trọng giúp Trung Quốc kết nối kinh tế với Đông Nam Á, mặt khác là cơ sở để Bắc Kinh thực hiện ngoại giao văn hóa và quyền lực mềm (Hò, 2022). Do đó, việc duy trì và mở rộng ảnh hưởng ở Đông Nam Á là vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của Trung Quốc. Tuy nhiên, lý thuyết và thực tế

về quan hệ Trung Quốc – Đông Nam Á không hoàn toàn đồng nhất khi một mặt các quốc gia trong khu vực cần Trung Quốc và coi Trung Quốc là đối tác chiến lược quan trọng, nhưng mặt khác quan hệ song phương lại thiếu “lòng tin” bởi các quốc gia lo sợ tham vọng ngày càng lớn của Bắc Kinh (Vũ & Bùi, 2021, tr. 78, 81). Do vậy, mặc dù Trung Quốc đạt được những thành tựu nhất định trong việc gia tăng ảnh hưởng trong khu vực, đặc biệt là trong kinh tế và văn hóa, nhưng không khó nhận ra sự vướng mắc trong quan hệ với nhiều quốc gia về an ninh, chủ quyền lãnh thổ, đặc biệt là vấn đề Biển Đông.

Về phía Ấn Độ, sự quan trọng của Đông Nam Á được thể hiện trên tất cả các khía cạnh chính trị-ngoại giao, quốc phòng, kinh tế, văn hóa. Về chính trị-an ninh, Đông Nam Á là khu vực án ngữ lối vào Thái Bình Dương của chính quyền New Delhi. Việc thông qua khu vực này, cụ thể là eo Malacca để kết nối Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương dễ dàng hơn rất nhiều so với con đường bộ thông qua Myanmar và Trung Quốc nên từ lịch sử đến hiện tại, các chính phủ Ấn Độ luôn coi trọng vị trí chiến lược của Đông Nam Á (Võ, 2021, tr. 39-44). Đồng thời, đây cũng là khu vực mà Ấn Độ có truyền thống lịch sử quan hệ lâu đời, đặc biệt là vùng Đông Nam Á hải đảo được coi là khu vực Ấn hóa, có sự giao lưu kinh tế, văn hóa sâu sắc với Ấn Độ (Coedes, 1967; Trivedi, 2010). Một điều đáng chú ý nữa là thương mại Ấn Độ - Đông Nam Á ngày càng gia tăng, cho thấy tầm quan trọng ngày càng lớn về kinh tế của khu vực này đối với chính quyền New Delhi. Kim ngạch thương mại Ấn Độ - ASEAN đã tăng từ hơn 7 tỉ USD năm 2000 lên hơn 65 tỉ USD năm 2015 và 96,79 tỉ USD năm 2019, tức là tăng gấp hơn 13 lần trong vòng 20 năm (M. Đ. Ngô & M. T. Ngô, 2017, tr. 2; Võ, 2021, tr. 46). Năm 2022 là kỷ niệm 30 năm quan hệ Ấn Độ - ASEAN và tính trong giai đoạn 4/2021 – 2/2022, kim ngạch thương mại song phương đã đạt 98,39 tỉ USD. Từ 2000 đến 2021, đầu tư FDI từ

ASEAN vào Ấn Độ đã đạt tổng 117,88 tỉ USD (Ministry of External Affairs, 2022). Ngược lại, đầu tư FDI từ Ấn Độ và ASEAN đã tăng từ 850 triệu USD (2015) lên 2,12 tỉ USD (2020) (Singh, 2022). Các yếu tố địa lý, chính trị, an ninh, cho đến kinh tế thương mại đều cho thấy tầm quan trọng của khu vực Đông Nam Á đối với sự phát triển và mở rộng ảnh hưởng của Ấn Độ. Do đó, việc Ấn Độ tăng cường can dự, tìm cách thay đổi chiến lược trong thế đối phó với sự trỗi dậy ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực là điều hiển nhiên. Không giống như Trung Quốc mặc dù có sức mạnh khổng lồ to lớn, nhưng vẫn gặp phải nhiều nghi ngại trong quan hệ với Đông Nam Á, quan hệ Ấn Độ - Đông Nam Á ít chịu tác động từ những tranh chấp trực tiếp nên hài hòa, thân thiện hơn. Tuy nhiên, các quốc gia ASEAN lại đặt câu hỏi về những lợi ích kinh tế mà Ấn Độ có thể đem lại cho khu vực, cũng như khả năng thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng kết nối Ấn Độ - Đông Nam Á như cách mà Trung Quốc đã thực hiện (Chí Thành, 2021). Bên cạnh đó, Ấn Độ vẫn đang thể hiện vai trò của một quốc gia tầm trung, vẫn chưa có nhiều động thái rõ ràng khẳng định thế cạnh tranh chiến lược quyết liệt với Trung Quốc trong khu vực, nên cũng khó tạo ra sự tin cậy cho các cường quốc đồng minh và các quốc gia ở Đông Nam Á (Crossette, 2009).

Trung Quốc và Ấn Độ nắm những vai trò khác nhau trong trật tự ở châu Á hậu Chiến tranh lạnh. Trong khi Trung Quốc theo đuổi chủ nghĩa xét lại để đòi quyền lực bằng quan điểm tự tôn dân tộc thì Ấn Độ là hình mẫu của một cường quốc thích ứng (Sridharan, 2017, tr. 56; Bitounis & Price, 2020, tr. 65). Về mặt chiến lược, hai quốc gia có những bước đi hoàn toàn khác nhau. Ấn Độ tin rằng Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chiến lược ở châu Á về các vấn đề quốc tế, sự tôn trọng, đầu tư nước ngoài, ảnh hưởng khu vực và tiềm lực quốc tế. Ấn Độ đã đề xuất nhiều dự án hợp tác khu vực, nhưng hầu hết trong số đó chạy theo những gì Trung Quốc đã làm. Ngược lại, Trung Quốc chỉ

nhìn Ấn Độ như cường quốc ở Nam Á chứ không phải đối thủ trong cạnh tranh chiến lược ở Đông Nam Á hay ở các cấp độ lớn hơn (Jiadong & Qian, 2019, tr. 11). Sự khác biệt thứ hai là về mặt nền tảng chiến lược. Ấn Độ đã quá quen thuộc với vai trò cân bằng giữa các cường quốc như giữa Mỹ và Liên Xô, Trung Quốc và Nhật Bản hay Mỹ-Nga với Trung Quốc. Do đó, Ấn Độ đã tìm cách hướng tới Mỹ, Nhật Bản nhiều hơn từ những năm 2010 về cả chiến lược và quân sự để tạo ra cân bằng ảnh hưởng với Trung Quốc trong khu vực. Ngược lại, Trung Quốc luôn dựa vào sức mạnh nội lực để mở rộng ảnh hưởng và không coi chính sách cân bằng là mục tiêu ngoại giao hàng đầu. Khác biệt thứ ba là thói quen chiến lược. Trong khi Trung Quốc hướng đến việc xây dựng lòng tin trước rồi mới giải quyết thông qua tranh luận thì Ấn Độ làm ngược lại. Do đó, chính phủ Bắc Kinh bàn bạc các vấn đề chiến lược ở cấp cao trước trong khi Ấn Độ xây dựng từng bước từ các vấn đề chuyên sâu rồi mới hướng đến các cuộc gặp cấp cao, và thường bị chậm chân hơn trong việc giành ảnh hưởng tại Đông Nam Á (Jiadong & Qian, 2019, tr. 11-12). Chính vì những khác biệt trên, mối quan hệ giữa Trung Quốc và Ấn Độ ở Đông Nam Á khó có thể định nghĩa hoặc chỉ ra một cách rạch ròi về sự cạnh tranh chiến lược. Chính sách của cả hai quốc gia là đều tìm cách mở rộng ảnh hưởng trong khu vực ở những khía cạnh khác nhau, trong đó Trung Quốc là quốc gia có những bước đi rõ nét hơn, sớm hơn, còn Ấn Độ đi sau, phải mất khá nhiều thời gian để định hình chính sách và biến điều đó thành thực tiễn. Do đó, trong bài viết này, chúng tôi đi theo hướng trình bày những chính sách của Trung Quốc đối với Đông Nam Á và áp lực nó tạo ra buộc Ấn Độ phải có những đối sách, thay đổi trong khu vực. Cụ thể, từ sau Chiến tranh lạnh đến khi ông Tập Cận Bình lên nắm quyền, chính sách chung của Bắc Kinh là “giấu mình chờ thời” và chưa có những động thái mở rộng ảnh hưởng một cách quyết liệt thì Ấn Độ thực hiện “chính sách hướng

đông”. Nhưng khi ngoại giao láng giềng của Bắc Kinh có nhiều biểu hiện hiếu chiến, đe dọa lợi ích của Ấn Độ trong khu vực thì New Delhi đã chuyển sang “hành động phía đông” năm 2014. Áp lực của Trung Quốc ở mỗi giai đoạn khác nhau sẽ tạo ra những phản ứng với nhiều mức độ khác nhau của Ấn Độ tại Đông Nam Á.

3. Chính sách hướng đông của Ấn Độ trước sự mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc ở Đông Nam Á

Ngay sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Trung Quốc chuyển từ chính sách mở cửa sang chính sách láng giềng hữu nghị đối với Đông Nam Á (Muni, 2002). Chính sách đó được thể hiện trên ba chiến lược chính là thiết lập khu vực tự do mậu dịch Trung Quốc - ASEAN, mở rộng thương mại biên giới, phát triển hệ thống thương nhân Trung Quốc và trao đổi văn hóa (Wan-ping & Soong, 2014, tr. 24). Ngày 19/7/1991, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Tiền Kỳ Tham tham dự phiên họp mở của các bộ trưởng ASEAN lần thứ 24 tại Kuala Lumpur để bàn về việc hợp tác, đầu tư. Năm 1996, Trung Quốc chính thức trở thành đối tác đối thoại với ASEAN thay vì đối tác tư vấn như năm 1993. Hai bên đã thành lập Hội đồng hợp tác chung năm 1997 và Quỹ hỗ trợ cho các hoạt động hợp tác phát triển song phương. Tháng 12/1997, lãnh đạo của ASEAN và Trung Quốc đã có cuộc gặp thượng đỉnh không chính thức đầu tiên (ASEAN+1) và đưa ra thông báo về việc thiết lập đối tác dựa trên cơ sở láng giềng tốt và niềm tin lẫn nhau để hướng đến thế kỷ XXI và xây dựng cơ sở cho mối quan hệ chung. Trong khoảng 3 năm 1998-2000, Trung Quốc lần lượt xây dựng quan hệ hợp tác song phương với các nước thành viên ASEAN. “Mọi quốc gia trong khu vực [Đông Nam Á] đang nhìn Trung Quốc như một láng giềng tốt, một đối tác có tính xây dựng, một người lắng nghe cẩn trọng, và là một cường quốc không có tính đe dọa khu vực” (Shambaugh, 2005, tr. 64). Vào đầu thế kỷ XXI, quan hệ chính trị - an

ninh Trung Quốc – ASEAN có một bước tiến quan trọng khi hai bên thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược năm 2003, và Trung Quốc trở thành đối tác đối thoại đầu tiên của ASEAN trong “Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á”. Điều này mở ra một giai đoạn phát triển toàn diện quan hệ chính trị, an ninh, kinh tế, văn hóa giữa Trung Quốc và ASEAN. Mặc dù vậy, quan hệ song phương cũng gặp một số trở ngại liên quan đến tranh chấp ở Biển Đông dù hai bên đã ký Tuyên bố về hành vi ứng xử của các bên ở Biển Đông để giải quyết mọi vấn đề liên quan bằng biện pháp hòa bình.

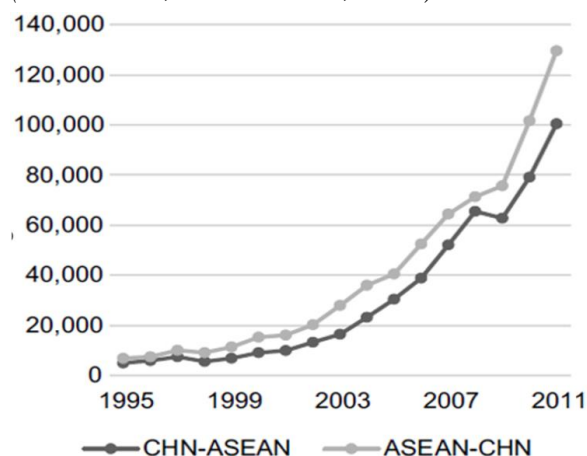
Trung Quốc và ASEAN đã xác định 5 trụ cột hợp tác kinh tế là nông nghiệp, công nghiệp thông tin, phát triển nguồn nhân lực, đầu tư chung và phát triển hạ lưu sông Mekong. Năm 2002, hai bên ký thỏa thuận về hợp tác kinh tế chiến lược, mở đường cho sự hình thành khu vực thương mại tự do đến năm 2010 giữa các nước Brunei, Trung Quốc, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan; và đến năm 2015 là Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam. CAFTA được thực hiện theo ba bước lần lượt là: FTA về sản phẩm cơ bản năm 2005, FTA về lĩnh vực dịch vụ năm 2007 và Hiệp định đầu tư năm 2009. Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN - Trung Quốc lần thứ 8 (2004), hai bên đã ký những hiệp ước về thương mại hàng hóa và xây dựng cơ sở hạ tầng; và nghị định chung về việc hợp tác giao thông vận tải. Trung Quốc đã thông qua các dự án chung hoặc đầu tư vào ASEAN để tạo lập ảnh hưởng trên toàn khu vực. Năm 2005, Trung Quốc đóng góp 30 triệu USD vào Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và đầu tư 20 triệu USD cho Quỹ hợp tác và giảm trừ đói nghèo khu vực PRC (Brautigam, 2010, tr. 40). Thông qua ADB, Trung Quốc còn tạo ảnh hưởng đến Chương trình Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS) để kết nối kinh tế và hợp tác khu vực của các quốc gia lưu vực Mekong. Tiếp đó, Trung Quốc thực hiện chính sách ngoại giao đường sắt cao tốc với các dự án nối Côn Minh-Singapore hoặc nối

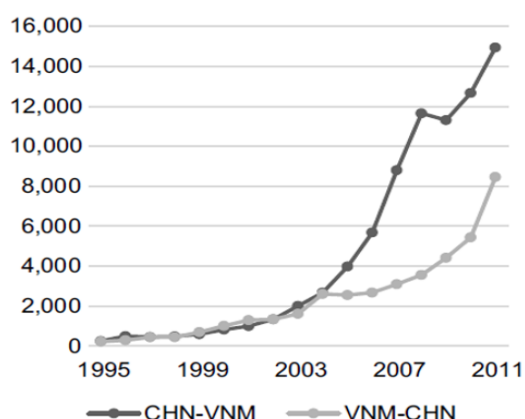
Trung Quốc với các quốc gia khác để thúc đẩy ảnh hưởng trong khu vực.

Quan hệ kinh tế Trung Quốc – ASEAN cuối thế kỷ XX có những bước phát triển mạnh mẽ. Đầu tư của ASEAN ở Trung Quốc tăng 28%, từ 90 triệu USD (1991) lên đến 26,2 tỉ USD (2001), chiếm 6,6% đầu tư FDI của Trung Quốc. Con số này tăng lên 38,22 tỉ USD năm 2004 (Saw, 2007, tr. 304). Trao đổi thương mại song phương tăng 20,8% trong giai đoạn 1990-2003, từ 200 triệu USD lên đến 100 tỉ USD (Wan-Ping & Soong, 2014, tr. 26). Myanmar là ví dụ tiêu biểu nhất cho việc tạo lập ảnh hưởng của Trung Quốc tại Đông Nam Á giai đoạn này. Từ năm 1988, khi mà các quốc gia phương Tây cắt bỏ mọi trao đổi kinh tế hay hỗ trợ cho Myanmar thì Trung Quốc trở thành nhà đầu tư hàng đầu và đối tác thương mại quan trọng nhất của Myanmar. Xuất khẩu của Myanmar đến Trung Quốc tăng 2,2 lần, từ 126 triệu USD (1989) lên 274 triệu (2005), còn nhập khẩu tăng 5 lần trong cùng thời gian (từ 188 triệu lên 935 triệu) (Maung, 2007, tr. 66). Từ năm 2009, Trung Quốc trở thành đối tác thương mại lớn nhất của ASEAN, còn ASEAN trở thành đối tác thương mại lớn thứ ba của Trung Quốc từ năm 2011.

Hình 1

Tăng trưởng xuất khẩu hai chiều Trung Quốc - ASEAN và Việt Nam (triệu USD) (Davedason, & Chandran, 2019).





Đầu tư FDI của Trung Quốc vào Đông Nam Á tăng trưởng 61%, từ 157 triệu USD (2005) lên 7,27 tỉ USD (2013). Trong đó, Singapore và Indonesia là những đối tác đầu tư hàng đầu của Trung Quốc với 49% tổng vốn đầu tư. Tính đến 2015, đầu tư dự án cơ sở hạ tầng chiếm tỉ trọng cao nhất, với 95% tổng đầu tư FDI của Trung Quốc (51,64 tỉ USD) và 83 dự án khác nhau ở Đông Nam Á (Zhang & Li, 2017, tr. 185). Đầu tư kinh tế của Trung Quốc tăng từ 948 triệu USD (2008) lên 8,9 tỉ USD (2014) (Zhang & Li, 2017, tr. 187).

Những ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Đông Nam Á đã tác động mạnh đến chính sách của Ấn Độ trong khu vực sau Chiến tranh lạnh. Năm 1991, “chính sách hướng đông” được triển khai nhằm thúc đẩy hợp tác về kinh tế, chính trị và an ninh với các quốc gia Đông Nam Á. Chính sách này đã tạo ra những lựa chọn khác nhau để đánh vào vùng ảnh hưởng của Trung Quốc. Lo lắng Trung Quốc cung cấp vũ khí cho Myanmar, Ấn Độ đã tìm cách tăng cường ảnh hưởng đến quốc gia này. Năm 1993, Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ J. N. Dixit khi đến thăm Myanmar để tìm cách tạo ảnh hưởng lên quốc gia này. Năm 1995, Ấn Độ trở thành đối tác chính thức của ASEAN và tiếp tục xúc tiến tự do thương mại trong cả lĩnh vực phục vụ và đầu tư. “Sự tăng cường hiện diện của Trung Quốc ở Đông Nam Á, gồm cả mở rộng quan hệ kinh tế, đã thúc đẩy các nước ASEAN thích ứng và tạo điều kiện cho

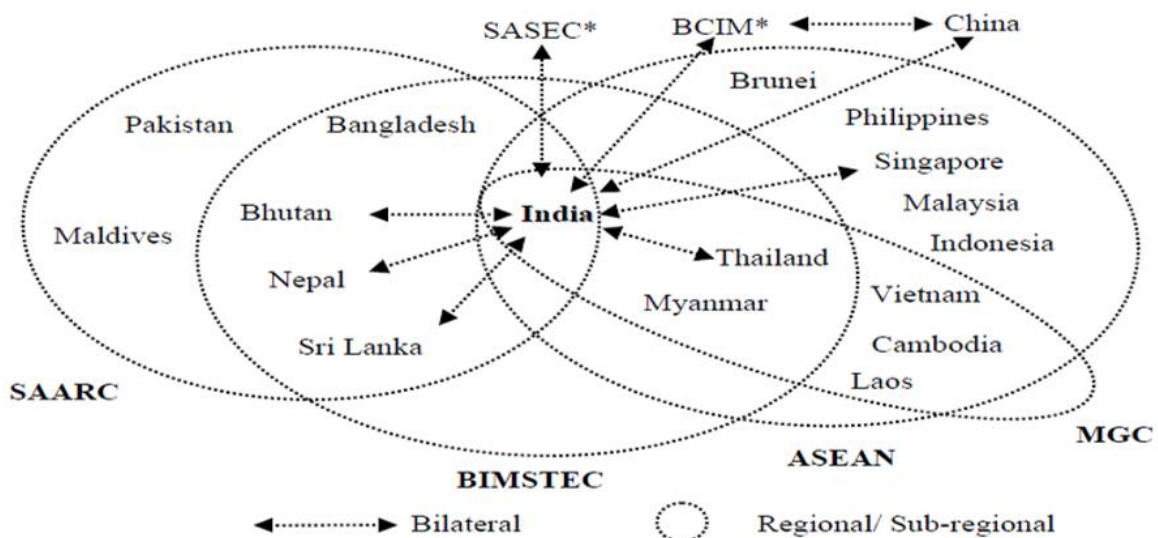
Ấn Độ có những chính sách cần thiết để đảm bảo rằng Ấn Độ cũng đóng vai trò nhất định trong khu vực chiến lược quan trọng này” (Ram, 2012, tr. 33). Tuy nhiên, những chính sách hướng nội và việc quá tập trung vào vấn đề Kashmir và Pakistan đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến vai trò của Ấn Độ ở Đông Nam Á cuối thế kỷ XX (Ganguly, Scobell, & Chinyong, 2013, tr. 237). Do đó, dù Ấn Độ nhận được sự chào đón của các quốc gia Đông Nam Á, thực tế quan hệ lại không đạt được những kỳ vọng vốn có. Ấn Độ không thể hiện một chiến lược cụ thể trong việc tạo ra ảnh hưởng cạnh tranh ở Đông Nam Á ngoài việc nêu lên những mong muốn về một kết quả tốt đẹp. Tính đến cuối thế kỷ XX, sự can dự của Ấn Độ vào Đông Nam Á nhìn chung là yếu khi mới bước đầu có những trao đổi thương mại hay hợp tác về chính trị, còn vấn đề an ninh, quốc phòng chưa được nhắc đến một cách rõ nét.

Sang đầu thế kỷ XXI, LEP có sự chuyển mình khi Thủ tướng Vajpayee coi chính sách này là sự nhấn mạnh cho câu hỏi về quyền lực ở châu Á. Trước việc Trung Quốc – ASEAN trở thành đối tác chiến lược, Ấn Độ buộc phải thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa sự can dự vào Đông Nam Á. Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ Jaswant Singh đã phát biểu rằng Ấn Độ muốn thay đổi sự thiếu cân bằng chiến lược ở Đông Nam Á vốn đang nghiêng quá sâu về Trung Quốc (Singh, 1998). Về chính trị, Ấn Độ tìm cách liên hệ với các cường quốc khác để chống lại sự mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực. Năm 2002, hội nghị thượng đỉnh ASEAN-Ấn Độ diễn ra, có nghĩa là Ấn Độ được đặt ngang hàng với Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc trong mối quan hệ với Đông Nam Á. Tuy nhiên, sự hợp tác chưa thực sự rõ nét mà chỉ dừng lại ở việc các quốc gia ASEAN nhìn nhận Ấn Độ như một đối tác riêng lẻ. Bộ trưởng Ngoại giao Yashwant Sinha năm 2003 phát biểu rằng “giai đoạn đầu của chính sách hướng đông là tập trung vào ASEAN và mục tiêu chính là kết nối thương mại và đầu tư. Giai đoạn hiện

nay được đặc trưng bởi sự mở rộng từ Australia đến Đông Á với ASEAN là trung tâm. Giai đoạn này cũng có những chuyển đổi từ thương mại sang các vấn đề rộng hơn về kinh tế và an ninh, bao gồm cả những nỗ lực bảo vệ an ninh hàng hải và hợp tác trong các vấn đề lãnh thổ chủ quyền” (Sinha, 2003). Ấn Độ cùng Nhật Bản phản đối mạnh mẽ những đề xuất của Trung Quốc về việc hạn chế thành viên của Hội nghị thượng đỉnh Đông Á EAS hay việc chia các thành viên

Hình 2

Mối quan tâm và các đối tác của Ấn Độ tại châu Á¹ (Tyagi, Bansal, Kaul, & De, 2017)



Về mặt an ninh, quốc phòng, Ấn Độ cũng tìm cách can dự nhiều hơn vào Đông Nam Á trước những hành động đòi hỏi chủ quyền biển của Trung Quốc trong khu vực. Sau quyết định thử vũ khí hạt nhân năm 1998, Ấn Độ đã nâng tầm ảnh hưởng và vai trò trong khu vực; mạnh dạn hơn trong việc mở rộng ảnh hưởng đến các khu vực láng giềng từ eo Hormuz cho đến eo Malacca, cụ thể là sự xuất hiện của hải quân Ấn Độ ở vùng biển Đông Nam Á. Trong những năm cuối thế kỷ XX, hải quân Ấn Độ đóng vai trò

bên ngoài thành 2 mức độ khác nhau để khẳng định ảnh hưởng của Bắc Kinh. Kết quả là, EAS không chỉ có ASEAN với Trung Quốc mà còn có Ấn Độ, Nhật Bản, Australia và New Zealand để hạn chế tầm ảnh hưởng của Trung Quốc (Mohan, 2006). Với sự cạnh tranh đó, ảnh hưởng chính trị của Ấn Độ sẽ được lan tỏa ở Đông Nam Á, góp phần tạo ra sự cân bằng trong khu vực (Elliott, Abdoolcarim, & Elegant, 2005).

là những đối tác thân thiện với hải quân Singapore, Indonesia, Thái Lan hay Malaysia trong các cuộc tập trận chung. Năm 2003, Ấn Độ tham gia “Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á” TAC, ký “Tuyên bố chung về hợp tác chống khủng bố quốc tế”, và năm 2004 là “Hiệp định quan hệ đối tác hòa bình, tiến bộ và phồn vinh”. Ấn Độ đã tiếp cận các quốc gia Đông Nam Á và từng bước thiết lập hợp tác về an ninh với Singapore, Malaysia, Việt Nam và Lào (Devare, 2006, tr. 45-87). Năm 2001, Ấn Độ

¹ Bilateral (quan hệ song phương giữa Ấn Độ với các nước); Regional/Sub-regional (Khu vực mở rộng quan hệ của Ấn Độ), SASEC (South Asia Subregional Economic Cooperation – Hợp tác kinh tế khu vực Nam Á), BCIM (The Bangladesh-China-India-Myanmar Forum for Regional Cooperation – Hành lang kinh tế BCIM), SAARC (South Asia Association for Regional Cooperation – Hiệp hội Nam Á vì sự hợp tác khu vực), BIMSTEC (The Bay of Bengal Initiative for Multi-Sectoral Technical and Economic Cooperation – Sáng kiến vùng vịnh Bengal về hợp tác kinh tế và kỹ thuật đa khu vực), MGC (The Mekong – Ganga Cooperation – Hợp tác Mekong - sông Hằng).

ký hiệp ước phòng thủ với Indonesia và năm 2005, hai nước ký hiệp ước đối tác chiến lược. Năm 2003, Ấn Độ và Singapore ký hiệp ước phòng thủ chung để mở rộng hợp tác quân sự, tập huấn vũ trang và cùng đảm bảo an ninh trên biển. Bên cạnh đó, Ấn Độ còn tiếp tục duy trì trao đổi việc phòng thủ quốc gia với Malaysia, Thái Lan, Philippines và bước đầu có những cam kết, thỏa thuận hợp tác quân sự với Myanmar. Năm 2007, hải quân Ấn Độ đưa ra viễn cảnh địa chính trị của chiến lược quân sự trên biển, trong đó nhấn mạnh khu vực Ấn Độ Dương – eo Malacca được coi là khu vực trọng tâm, còn vùng Biển Đông và Đông Thái Bình Dương là khu vực quan trọng thứ hai (Ministry of Defense, 2007, tr. 59-60). Đến năm 2009, Ấn Độ đưa ra học thuyết hải quân mới, tiếp tục nhấn mạnh vai trò, tầm quan trọng của Đông Nam Á. Trước những đòi hỏi chủ quyền của Trung Quốc tại Biển Đông năm 2009, Ấn Độ đã thoát ra khỏi tư thế dè dặt và thụ động quan sát để thể hiện quan điểm an ninh hàng hải rõ ràng hơn. Tại ADMM+ tháng 10/2010, Ấn Độ đã nhấn mạnh sự quan tâm an ninh biển trong khu vực và sự sẵn sàng hợp tác với các nước Đông Nam Á. Tại Diễn đàn khu vực ASEAN ARF 2012, Thủ tướng Manmohan Singh đã nhấn mạnh việc ủng hộ tự do hàng hải, giải quyết tranh chấp bằng luật pháp quốc tế. Tại Hội nghị thượng đỉnh Đông Á năm 2013, Ấn Độ yêu cầu các nước tuân thủ DOC 2002 và nỗ lực thông qua COC (Huỳnh, 2016, tr. 13-14). Dẫu vậy, Ấn Độ dường như khá chậm trong việc thúc đẩy hơn nữa quan hệ an ninh với các quốc gia lớn ở Đông Nam Á như Indonesia, Malaysia, hay Thái Lan (Brewster, 2013, tr. 142).

Năm 2003, Ấn Độ - ASEAN chính thức đàm phán tự do thương mại trên các lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ và đầu tư. Mặc dù những cam kết kinh tế của Đông Nam Á với Ấn Độ không toàn diện như với Trung Quốc nhưng cũng đã mở ra những hợp tác mới trong quan hệ Ấn Độ và các thành viên của ASEAN, đặc biệt là với Singapore,

Malaysia, Indonesia, Thái Lan và Việt Nam. Ví dụ, Indonesia là đối tác thương mại lớn thứ hai của Ấn Độ. Năm 2009, Ấn Độ là đối tác nhập khẩu lớn thứ 12 và thị trường xuất khẩu thứ 11 của Malaysia. Nhờ hiệp định tự do mậu dịch giữa ASEAN và Ấn Độ (FTA) được ký năm 2009 tại Bangkok, mối quan hệ giữa các quốc gia ngày càng thêm gắn bó và có sự phát triển mạnh mẽ. Thương mại song phương tăng từ 8 tỉ USD năm 2002 lên 80 tỉ năm 2012. Năm 2012, các nước ASEAN chiếm tới 10% đóng góp thương mại toàn cầu của Ấn Độ, trong đó Singapore đóng vai trò đầu tàu. Singapore chiếm khoảng 5% giá trị xuất khẩu của Ấn Độ năm 2012 và trở thành nước đầu tư lớn thứ hai ở Ấn Độ giai đoạn 2000-2013 (Department for Promotion of Industry and Internal Trade, 2013).

Như vậy, có thể thấy LEP của Ấn Độ được ra đời với mục tiêu quan trọng là mở rộng ảnh hưởng về phía đông, đồng thời kiềm chế sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc tại Đông Nam Á. Dẫu vậy, với những đặc điểm truyền thống của một cường quốc tâm trung chưa chủ động can dự vào các vấn đề của Đông Nam Á, những chiến lược, chính sách mà Ấn Độ đề ra trong giai đoạn này chưa thực sự mạnh mẽ, chỉ tập trung vào ngoại giao, kinh tế mà chưa có những hợp tác an ninh, quốc phòng rõ nét, nhất là trong vấn đề Biển Đông. Điều đó khiến cho LEP vẫn chưa hiệu quả, hay quan hệ Ấn Độ - ASEAN trong giai đoạn này còn khá khiêm tốn trên nhiều mặt.

3. Chính sách “hành động phía đông” trước thái độ mang tính hiếu chiến của Trung Quốc

Sau năm 2009, chính sách ngoại giao láng giềng đối với Đông Nam Á của Trung Quốc đã thay đổi với những mục tiêu và cách thức tiến hành mới. Trung Quốc chú ý nhiều hơn đến vấn đề lãnh thổ, quyền lực trên biển. Từ phương châm hợp tác vì mục đích chung của mối quan hệ, Trung Quốc đã chuyển sang đấu tranh vì chủ quyền. Do đó, chính

sách của Trung Quốc đối với Đông Nam Á cũng mang tính cưỡng ép và khiến các nước phải e sợ nhiều hơn (Feng, 2016, tr. 151-179). Năm 2010, Trung Quốc tuyên bố chủ quyền trên biển ở khu vực Đông Nam Á. Nhưng hầu như chỉ có Việt Nam và Philippines lên tiếng phản đối những tuyên bố và hành động của Trung Quốc. Trung Quốc vẫn duy trì ảnh hưởng và trao đổi kinh tế với các nước Đông Nam Á khi cả hai bên đều có chung lợi ích thương mại và đều là những thị trường tiềm năng. Năm 2015,

GDP của Trung Quốc là 10.866,4 tỉ USD, gấp 4 lần GDP của ASEAN, bằng 60% GDP của Mỹ. Trung Quốc đang đạt được những ảnh hưởng lớn hơn rất nhiều so với ảnh hưởng của Ấn Độ trong khu vực. Việc nâng cấp hiệp định tự do thương mại Trung Quốc - ASEAN năm 2015 cùng việc thực hiện BRI đã dẫn đến mối quan hệ gắn bó chặt chẽ về kinh tế giữa hai bên. Thông qua sự phụ thuộc, ảnh hưởng về kinh tế, Trung Quốc đang tìm cách thắt chặt quan hệ an ninh với Đông Nam Á.

Bảng 1

Đầu tư FDI của Trung Quốc vào ASEAN (2005-2013) (triệu USD) (Zhang & Li, 2017)

Nước/ Khu vực	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	Tăng trưởng trung bình năm (%)
Brunei	0.02	-	1.18	1.82	5.81	16.53	20.11	0.99	8.52	113.15
Campuchia	5.15	9.81	64.45	204.64	215.83	466.51	566.02	559.66	499.33	77.14
Indonesia	11.84	56.94	99.09	173.98	226.09	201.31	592.19	1,361.29	1,563.38	84.11
Lào	20.58	48.04	154.35	87	203.24	313.55	458.52	808.82	781.48	57.56
Malaysia	56.72	7.51	-32.82	34.43	53.78	163.54	95.13	199.04	616.38	34.75
Myanmar	11.54	12.64	92.31	232.53	376.7	875.61	217.82	748.96	475.33	59.17
Philippines	4.51	9.3	4.5	33.69	40.24	244.09	267.19	74.9	54.4	36.51
Singapore	20.33	132.15	397.73	1,550.95	1,414.25	1,118.5	3,268.96	1,518.75	2,326.67	77.82
Thái Lan	4.77	15.84	76.41	45.47	49.77	699.87	230.11	478.6	755.19	88.34
Việt Nam	20.77	43.52	110.88	119.84	112.39	305.13	189.19	349.43	480.5	48.09
ASEAN	157.71	335.75	968.08	2,484.35	2,698.1	4,404.64	5,905.24	6,100.44	7,267.18	61.41

Trung Quốc đã không cần ASEAN như trước mà ngược lại ASEAN cần Trung Quốc nhiều hơn. Một số học giả đánh giá rằng Trung Quốc đã nắm chắc ASEAN cả về mặt chiến lược và chiến thuật (Feng, 2018, tr. 199). Có thể nói, liên quan đến vấn đề chủ quyền ở Biển Đông, ASEAN không còn được đóng vai trò trung tâm như tại Diễn đàn khu vực (ARF) hay Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS). Năm 2016, một quan chức Trung Quốc thẳng thừng tuyên bố rằng ASEAN không hề có vị thế trung tâm trong vấn đề Biển Đông. Thậm chí, Trung Quốc

cũng tìm cách hạ thấp vai trò của ASEAN trong các vấn đề kinh tế, văn hóa, hay hợp tác trong ASEAN+3. Sự thay đổi chính sách của Trung Quốc do đó buộc cả ASEAN và Ấn Độ phải có những điều chỉnh phù hợp để duy trì an ninh, ổn định, chủ quyền và sự cân bằng quyền lực tại Đông Nam Á.

Hội nghị cấp cao ASEAN - Ấn Độ năm 2010 được coi là một trong những cố gắng quan trọng của Ấn Độ để xây đắp mối quan hệ vững bền với các nước Đông Nam Á và cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc trong khu vực. Tháng 12/2012, hai bên kí

niệm 20 năm mối quan hệ hợp tác và nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược. Đây có thể coi là phản ứng của Ấn Độ trước những trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc trong khu vực cả về ảnh hưởng kinh tế lẫn tham vọng chính trị. Mối quan hệ này được đánh giá là “nâng tầm mục tiêu mở rộng khu vực và khuyến khích, thúc đẩy viễn cảnh hòa bình, ổn định và thịnh vượng cho toàn châu Á” (ASEAN, 2012, tr. 46). Nói cách khác, sự thay đổi của Ấn Độ đã góp phần định hình trật tự khu vực mới. “Sau gần một thập kỷ của giai đoạn thứ hai, giai đoạn thứ ba của chính sách hướng đông dường như đang hiện ra, trong đó sự kết nối kinh tế và chiến lược của Ấn Độ tại Đông Nam Á sẽ được mở rộng và tập trung sâu, và Ấn Độ sẽ sẵn sàng, chủ động để đóng vai trò chiến lược lớn hơn” (Muni, 2011). Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng Ấn Độ khá chậm trong việc phát triển quan hệ với Đông Nam Á khi phải sau 10 năm Trung Quốc – ASEAN thiết lập quan hệ đối tác chiến lược thì Ấn Độ mới làm điều tương tự. Điều đó chỉ ra thực tế là quan hệ Ấn Độ - ASEAN trước năm 2012 tuy có phát triển nhưng không tạo ra được sức mạnh và hiệu quả đủ lớn và phải đến khi Trung Quốc nâng cao hơn nữa tham vọng trong khu vực thì New Delhi mới có hành động cụ thể, kiên quyết hơn.

Thủ tướng Ấn Độ Modi đưa ra tuyên bố chuyển từ LEP sang AEP vào ngày 12/11/2014 tại Hội nghị thượng đỉnh Ấn Độ - ASEAN ở Myanmar. Ông nói rằng “một thời đại của phát triển kinh tế công nghiệp hóa và thương mại đang bắt đầu ở Ấn Độ. Chính sách hướng đông của Ấn Độ nay sẽ là chính sách hành động phía đông” (Muni & Mishra, 2019, tr. 197). Thực chất, trong hội nghị ở Hà Nội vào tháng 8/2014, Bộ trưởng các vấn đề đối ngoại Ấn Độ, Sushma Swaraj nói rằng “bây giờ là thời điểm để hành động chứ không chỉ nhìn về phía đông. Dưới chính quyền Modi, chúng tôi sẽ thực hiện chính sách mới” (Press Trust of India, 2014). Tại EAS tháng 11/2014, Thủ tướng Modi khẳng định muốn nâng tầm vai trò và hoạt động của

Ấn Độ trên nhiều phương diện khác nhau khi giai đoạn 1 và 2 của LEP không đạt được hết tiềm năng mong muốn mặc dù đã có những thành công nhất định (Mishra, 2014). Mục tiêu của Ấn Độ trong AEP là trở thành cường quốc dẫn đầu thay vì là một cường quốc cân bằng trong các vấn đề quốc tế (Ministry of External Affairs, 2015). Với chính sách mới, Ấn Độ hướng đến việc nâng cấp quan hệ song phương với Indonesia, Việt Nam, Malaysia, Singapore và một số quốc gia quan trọng khác trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương thành đối tác chiến lược. Chủ đề của AEP là thúc đẩy hợp tác kinh tế, giao lưu văn hóa và phát triển quan hệ chiến lược với các quốc gia trong khu vực thông qua việc tiếp tục các mối quan hệ song phương và đa phương. Kế hoạch hành động ASEAN-Ấn Độ trong giai đoạn 2016-2020 được đưa ra để xây dựng vững chắc mối quan hệ hợp tác dựa trên ba trụ cột chính là an ninh-chính trị, kinh tế và văn hóa-xã hội (Ministry of External Affairs, 2015). Như vậy, dù là trong LEP hay AEP, Đông Nam Á vẫn là trung tâm của chiến lược và của cấu trúc an ninh khu vực (Tôn, 2018, tr. 125). Có thể nói AEP là sự nâng cấp của LEP khi Ấn Độ một mặt nâng cao hơn nữa mối quan hệ với Đông Nam Á, mặt khác mở rộng ảnh hưởng đến các quốc gia ngoài ASEAN để khẳng định vị thế của mình trên nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó đặc biệt chú ý đến thương mại, kết nối khu vực, giao lưu nhân dân.

Với AEP, Ấn Độ công khai đề cập trực tiếp đến vấn đề bảo vệ an ninh và tự do hàng hải ở Biển Đông, nhằm chống lại sự mở rộng đầy hiếu chiến của Trung Quốc và gia tăng vai trò an ninh địa chính trị của New Delhi tại đây để cân bằng ảnh hưởng với Bắc Kinh. Đông Nam Á trở nên vô cùng quan trọng với Ấn Độ trong chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương bởi vai trò kết nối của eo Malacca giữa hai đại dương này. Chia khóa quan trọng cho mối quan hệ Ấn Độ – Đông Nam Á là yếu tố biển; và hai bên có nhiều lựa chọn và cách thức cho sự hợp tác này (Rana, 2015). Ấn Độ cũng thể hiện lập

trường rõ ràng hơn trong thế cạnh tranh với Trung Quốc về vấn đề Biển Đông và có ý tưởng bảo vệ các quốc gia Đông Nam Á hơn. Năm 2014, Modi nêu lên rằng “vì hòa bình và ổn định ở Biển Đông, mọi người phải tuân theo các quy tắc và luật quốc tế. Nó bao gồm hiệp định của Liên Hợp Quốc về Luật biển. Chúng tôi hi vọng rằng nó sẽ trở thành quy tắc cho tuyên bố chung về ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002 và điều đó sẽ đạt được sự đồng thuận cơ bản trong thời gian tới” (Modi, 2014). Thủ tướng Modi cũng khẳng định và nhấn mạnh vai trò của Ấn Độ trong cấu trúc an ninh khu vực thông qua các diễn đàn đối thoại như ARF, PMC 10+1, Shangri-La, EAS. Tại ADMM+ năm 2017, Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ đã phát biểu ủng hộ tự do hàng hải, hàng không và thương mại trong khu vực, kêu gọi giải quyết các vấn đề dựa trên luật lệ quốc tế (Defence Minister of India, 2017). Năm 2018, New Delhi đưa ra Tầm nhìn Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và nhấn mạnh nguyên tắc tự do, rộng mở và bao trùm, giải quyết tranh chấp bằng luật pháp quốc tế, tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các bên liên quan. Trong đó, Ấn Độ chủ trương dựa trên những cơ chế có sẵn để đảm bảo an ninh và tự do hàng hải trong khu vực (Tôn, 2018, tr. 125). Mới đây, Hội nghị cấp cao ASEAN-Ấn Độ lần thứ 17 năm 2020 đã nhấn mạnh tầm quan trọng của luật lệ quốc tế, duy trì an ninh, ổn định, tự do hàng hải tại Biển Đông, thúc đẩy hiệu quả DOC, khuyến khích đàm phán COC. Cũng trong hội nghị, Ấn Độ công khai bày tỏ quan ngại về những diễn biến căng thẳng tại Biển Đông, kêu gọi sự kiềm chế để tránh leo thang tranh chấp, và thậm chí kêu gọi phi quân sự hóa Biển Đông (Võ, 2021, tr. 139). Bên cạnh những tuyên bố công khai, mạnh mẽ về an ninh, tự do hàng hải ở Biển Đông thông qua các cơ chế, diễn đàn đa phương, Ấn Độ còn hiện thực hóa sự can dự quân sự ở Đông Nam Á bằng việc tham gia tập trận chung với các quốc gia trong khu vực. Cụ thể, năm 2016, Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á đã diễn tập hải quân đa phương

(Vũ & Ninh, 2021, tr. 225). Năm 2018, Ấn Độ, Brunei, Singapore cùng tập trận an ninh biển và chống khủng bố. Năm 2019, tàu hải quân Ấn Độ ghé qua Biển Đông trên đường tham dự tập trận chung về an ninh biển trong khuôn khổ ADMM+. Ấn Độ cũng là nước đầu tiên tham gia tập trận trên bộ với Đông Nam Á trong khuôn khổ ADMM+ (Võ, 2021, tr. 146-147). Việc tăng cường cạnh tranh của Ấn Độ còn được cụ thể hóa thông qua mối quan hệ với các quốc gia trong khu vực. Ví dụ, trong khi Myanmar bị nhiều nước lên án về vấn đề cộng đồng người thiểu số Rohingya thì chuyến thăm của Thủ tướng Modi năm 2017 không hề nhắc gì đến vấn đề này. Ấn Độ cũng là đối tác chủ chốt trong việc hiện đại hóa quân đội Myanmar. Năm 2019, Myanmar là nước nhập khẩu vũ khí lớn nhất của Ấn Độ, chiếm tới 46% tổng giá trị xuất khẩu (Pubby, 2020). Hay đối với Việt Nam, Ấn Độ nhìn nhận đây là đối tác xây dựng năng lực quốc phòng chung nên đã có sự gia tăng hợp tác an ninh quốc phòng. Tính đến năm 2021, Việt Nam - Ấn Độ đã tổ chức Đối thoại chính sách quốc phòng lần thứ 13. Bên cạnh đó là Đối thoại an ninh cấp Thứ trưởng lần đầu năm 2018, Đối thoại an ninh biển năm 2019. Đặc biệt, Ấn Độ - Việt Nam còn tiến hành tập trận chung năm 2013, 2015 và 2021 và trở thành quốc gia đầu tiên và duy nhất trước 2016 tập trận chung song phương với Việt Nam tại Biển Đông (Võ, 2021, tr. 218-221). Có thể thấy, những hành động trên của Ấn Độ đã thể hiện thái độ, hành động cứng rắn hơn rất nhiều so với LEP. Chính những động thái đó đã giúp New Delhi can dự sâu hơn vào vấn đề an ninh quốc phòng ở Đông Nam Á, kiềm chế và cạnh tranh ảnh hưởng trực tiếp với Trung Quốc trong khu vực.

Để thực hiện AEP, một trong những biện pháp của thủ tướng Modi là thực hiện các chuyến thăm ngoại giao. Trong thời gian cầm quyền, ông đã đến thăm 8/10 nước ASEAN với 25 chuyến thăm khác nhau (ngoại trừ Brunei và Campuchia được thăm bởi phó thủ tướng hoặc Bộ trưởng ngoại

giao) (Muni & Mishra, 2019, tr. 209). Ngược lại, các lãnh đạo ASEAN được mời sang Ấn Độ như khách mời danh dự trong kỉ niệm ngày Cộng hòa 26/1/2018. Đông Nam Á luôn được coi là trung tâm, trái tim, trụ cột chính trong chính sách của Ấn Độ đối với khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương (Sundararaman, 2018, tr. 62-81; Mukherjee, 2019, tr. 47). Năm 2018, tại Hội nghị cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần thứ 16, Thủ tướng Modi nhấn mạnh rằng quan hệ ASEAN - Ấn Độ đóng vai trò quyết định đối với tương lai, vận mệnh của Đông Á và khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương (Vũ & Ninh, 2021, tr. 189). Có thể thấy, Ấn Độ ngày càng nhấn mạnh vai trò, tầm quan trọng của Đông Nam Á, cụ thể là ASEAN trong chiến lược AEP, coi đây là trọng tâm kết nối và vị trí địa chiến lược để kiềm chế và cạnh tranh với Trung Quốc. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm quan hệ song phương ASEAN - Ấn Độ, các bên đã thống nhất đàm phán nâng tầm quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện (Ngọc Thúy, 2022). Có thể thấy, đây là hành động quan trọng về mặt chính trị ngoại giao để khẳng định mối quan hệ Ấn Độ - ASEAN, cũng như việc hiện thực hóa chính sách AEP của New Delhi và tăng cường can dự vào khu vực.

Sau khi hiệp định tự do thương mại Ấn Độ - ASEAN được kí kết năm 2010, trao đổi thương mại song phương đã tăng gấp đôi (2009-2017) và ASEAN chiếm tới 11% tổng giá trị thương mại của Ấn Độ (World Bank, 2020). Năm 2015-2016, thương mại với Đông Nam Á trị giá 65 tỉ USD và chiếm tới 10% tổng giá trị buôn bán của Ấn Độ (Palit, 2017, tr. 299). Tuy nhiên, thực tế là Ấn Độ ngày càng nhập siêu trong quan hệ thương mại với ASEAN; thâm hụt thương mại ngày càng tăng: giai đoạn 2001-2005 là 0,85 tỉ USD, giai đoạn 2006-2010 là 6,11 tỉ và 2011-2016 là 9,63 tỉ (Chaisse, Hao & Chang-fa, 2017, tr. 501). Năm 2011, Ấn Độ tham gia đàm phán RCEP và coi đây là công cụ quan trọng để Ấn Độ tham gia vào nền kinh tế châu Á – Thái Bình Dương, nhưng

ngày 4/11/2019 Ấn Độ rút khỏi RCEP, dẫn đến nhiều hệ lụy tiêu cực về tầm ảnh hưởng của Ấn Độ ở Đông Nam Á. Giá trị thương mại Ấn Độ - ASEAN cũng có sự tăng trưởng mạnh mẽ từ hơn 56 tỉ USD năm 2010 lên hơn 96 tỉ USD năm 2018 và trong giai đoạn 4/2021-2/2022 đã đạt 98,39 tỉ USD (Ministry of External Affairs, 2022). Đầu tư từ ASEAN đến Ấn Độ giai đoạn 2000-2017 là 70 tỉ USD, chiếm 17% tổng FDI vào Ấn Độ. Ngược lại, tổng đầu tư của Ấn Độ đầu tư vào ASEAN là 40 tỉ USD (Chakravarty, 2018, tr. 59). Có thể thấy, đầu tư FDI của Ấn Độ vào Đông Nam Á vẫn còn khá khiêm tốn so với Trung Quốc, nhưng đã có sự tăng trưởng đáng kể, từ 681 triệu USD năm 2007 lên đến hơn 55,5 tỉ USD trong giai đoạn 2019-3/2022 (Ministry of External Affairs, 2022). Đặc biệt, với những ưu thế về công nghệ và kinh nghiệm, Ấn Độ có thể chia sẻ và hỗ trợ mạnh mẽ hoạt động thương mại điện tử, thanh toán online ở Đông Nam Á. Một báo cáo chỉ ra rằng do tác động của đại dịch Covid-19, có ít nhất khoảng 40 doanh nghiệp công nghệ mới xây dựng ở Ấn Độ muốn mở rộng tại ASEAN, cụ thể là thị trường Singapore, Indonesia, Malaysia và Philippines (Nachiappan, 2021, tr. 6). Điều đó cho thấy Ấn Độ đã rất khôn khéo trong việc lựa chọn hướng đầu tư để tạo ảnh hưởng trong khu vực trong thế cạnh tranh với Trung Quốc khi mà vốn và kinh nghiệm đầu tư còn khá khiêm tốn.

Văn hóa giáo dục cũng được Ấn Độ sử dụng như một công cụ, quyền lực mềm trong cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc tại Đông Nam Á. Năm 2015, New Delhi cung cấp hơn 1000 học bổng cho sinh viên các nước ASEAN. Năm 2018, riêng hơn 1000 học bổng tiến sĩ được Học viện công nghệ Ấn Độ cấp cho sinh viên Đông Nam Á (Vũ & Ninh, 2021, tr. 268-269). Sự ra đời của Trung tâm ASEAN - Ấn Độ năm 2013 cũng là một công cụ quan trọng để thúc đẩy hợp tác và gia tăng ảnh hưởng văn hóa của Ấn Độ trong khu vực. Hoạt động du lịch cũng được chú ý và năm 2019 được hai bên

đồng ý là năm hợp tác du lịch ASEAN - Ấn Độ với nhiều hoạt động khác nhau như liên hoan phim, hội chợ quảng bá, chương trình giới thiệu du lịch.

Trước ảnh hưởng ngày càng lớn của Trung Quốc, ASEAN mong muốn Ấn Độ thể hiện thái độ ủng hộ, hoặc ít nhất là không thay đổi chiến lược để hỗ trợ các quốc gia trong khu vực. Tuy nhiên, Ấn Độ dường như chưa xác định được kiểu quyền lực họ muốn thể hiện ở Đông Nam Á. Không có nơi nào Ấn Độ thể hiện bộ mặt trái ngược và mâu thuẫn như ở Đông Nam Á. Một mặt, hải quân Ấn Độ ngày càng tăng cường ảnh hưởng trong khu vực bằng cách cử hạm đội đến Singapore hay Malaysia, Việt Nam và Philippines. Mặt khác, những chính sách của Ấn Độ không thể hiện rõ tham vọng và tính hiệu quả trong việc cạnh tranh chiến lược ở Đông Nam Á. Do đó, chính sách hành động phía đông vẫn đang cần có sự kiểm chứng rõ ràng trước khi có những đánh giá cụ thể về tính hiệu quả của nó.

4. Kết luận

Như vậy, từ sau Chiến tranh lạnh, chính sách của Ấn Độ ở Đông Nam Á đã có sự thay đổi đáng kể từ “chính sách hướng đông” đến “hành động phía đông”. Sự thay đổi trong nội hàm của chính sách đã phản ánh những bước đi mới trong cách tiếp cận khu vực của chính quyền New Delhi. Sự thay đổi đó phản ánh mong muốn xích lại gần hơn, có ảnh hưởng lớn hơn tại Đông Nam Á – một trong những khu vực đầy tiềm năng kinh tế và cũng là vùng chiến lược quan trọng trên bàn địa chính trị thế giới. Dường như Ấn Độ đang thể hiện một bộ mặt hoàn toàn khác về vai trò, sức mạnh và những đóng góp của họ trên trường quốc tế. Nếu như LEP còn mang tính văn bản với thực tế hoạt động khá yếu và thiếu ở nhiều lĩnh vực khác nhau thì AEP không chỉ đơn thuần là

chiến lược trên bàn ngoại giao mà bao gồm cả kinh tế, chính trị, quân sự kết hợp với quyền lực mềm của văn hóa, trao đổi giáo dục. Tuy nhiên, thực tế là những chính sách đó vẫn chưa tác động đủ mạnh, chưa tạo ra những đột biến trong cán cân quyền lực tại Đông Nam Á. Thậm chí, trong nhiều trường hợp, vị thế của Ấn Độ bị đánh giá là suy yếu khi quốc gia này không tận dụng được tiềm năng trong quan hệ với các quốc gia Đông Nam Á. Việc nhìn nhận về AEP do đó cần có thời gian xem xét kỹ lưỡng hơn, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 cũng như những xung đột biên giới đang nóng bỏng hơn bao giờ hết.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi trong chính sách của Ấn Độ ở Đông Nam Á như sự thúc giục của các cường quốc khác, sự thay đổi bộ máy cầm quyền Ấn Độ, hay nhu cầu từ phía Đông Nam Á; nhưng một nhân tố quan trọng là tác động từ sự trỗi dậy và chính sách có thiên hướng hiếu chiến của Trung Quốc. Dù quan tâm nhiều hơn đến Nam Á và Ấn Độ Dương, nhưng sự bành trướng ảnh hưởng của Trung Quốc tại Đông Nam Á đã tác động mạnh mẽ đến chính sách của giới cầm quyền New Delhi. Nếu như những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI phản ánh rõ nét hình ảnh mang tính chất hòa bình thì giai đoạn cầm quyền của Tập Cận Bình đã cho thấy sự thay đổi ở cả hai quốc gia lớn. Nhưng dù có thay đổi như nào, Ấn Độ dường như vẫn luôn đi sau một bước và luôn ở thế đối phó với Trung Quốc thay vì chủ động tích cực hành động và đưa ra chiến lược phù hợp. Điều đó phản ánh rõ tư duy, vị thế của Ấn Độ trên trường quốc tế - một cường quốc chưa hoàn toàn trưởng thành để đảm đương những nhiệm vụ quốc tế. Nó cũng phản ánh sự yếu thế của Ấn Độ so với Trung Quốc trên tất cả các mặt cạnh tranh tại Đông Nam Á. Do đó, Ấn Độ cần hành động cụ thể hơn, rõ ràng hơn để khẳng định vị thế của mình tại đây.

Tài liệu tham khảo

- Asian Development Bank. (2006). *Mekong leaders: Building capacity in GMS countries*.
- Association of South East Asian Nations. (2012). *ASEAN-India eminent persons' report to the leaders*. <https://asean.org/wp-content/uploads/2021/09/ASEAN-India-EPG-Oct.pdf>
- Bitounis, L., & Price, J. (2020). *The struggle for power: U.S – China relations in the 21st century*. The Aspen Institute.
- Brautigam, D. (2010). *China, Africa and the international aid architecture* (Working paper No. 107). African Development Bank Group. <https://www.afdb.org/fileadmin/uploads/afdb/Documents/Publications/WORKING%20107%20PDF%20E33.pdf>
- Brewster, D. (2013). India's defence strategy and the India-ASEAN relationship. In A. K. Das (Ed.), *India-ASEAN defence relations* (pp. 125-146). S. Rajaratnam School of International Studies. <https://doi.org/10.1080/14736489.2013.820987>
- Chaisse, J., Gao, H., & Lo, Ch.-F (Eds.). (2017). *Paradigm shift in international economic law rule-making: TPP as a new model for trade agreements?* Springer.
- Chakravarty, P. R. (2018). India's changing global priorities and the role of the Act East Policy. *Indian Foreign Affairs Journal*, 13(1), 51-61.
- Chí, T. (2021, May 24). Đông Nam Á trong chiến lược của Ấn Độ. *Tạp chí Cộng sản*. https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-binh-luan/-/asset_publisher/DLIYi5AJyFzY/content/dong-nam-a-trong-chien-luoc-cua-an-do
- Coedes, G. (1967). *The Indianized states of Southeast Asia*. University of Hawaii Press.
- Crossette, B. (2009, December 19). The elephant in the room: The biggest pain in Asia isn't the country you'd think. *FP*. <https://foreignpolicy.com/2009/12/19/the-elephant-in-the-room/>
- Davedason, E. S., & Chandran, V. G. R. (2019). Unlocking the trade potential in China-ASEAN relations: The China-Vietnam context. *Journal of Southeast Asian Economies*, 36, 380-399.
- Defence Minister of India (2017, October 24). *RM's Statement at 4th ASEAN Defence Ministers' Meeting Plus (ADMM Plus)*. Minister of Defence, Government of India. <https://www.mod.gov.in/sites/default/files/RMADMM.pdf>
- Department for Promotion of Industry and Internal Trade. (2013). Statement on country-wise FDI inflows from January 2000 to January 2013. *SIA Newsletter*, 21(10).
- Devare, S. (2006). *India & Southeast Asia: Towards security convergence*. ISEAS Publisher.
- Elliott, M., Abdoolcarim, Z., & Elegant, S. (2005, December 12). Lee Kuan Yew reflects. *TIME Asia*, 166(24), 38-47. <https://content.time.com/time/subscriber/article/0,33009,1137705,00.html>
- Feng, L. (2016). China's security strategy towards East Asia. *Chinese Journal of International Politics*, 9, 151-179.
- Feng, Z. (2018). Is Southeast Asia really balancing against China? *The Washington Quarterly*, 41(3), 191-204. <https://doi.org/10.1080/0163660X.2018.1520573>
- Ganguly, S., Scobell, A., & Chinyong L. J. (Eds.). (2013). *Handbook of Asian security studies*. Routledge.
- Hoàng, K. N. (chủ biên). (2017). *Lý thuyết quan hệ quốc tế*. NXB Thế giới.
- Hồ, Q. P. (2022). Ngoại giao văn hóa của Trung Quốc đối với Đông Nam Á hiện nay. *Nghiên cứu Đông Nam Á*, 2, 44-50.
- Huỳnh, T. S. (2016). Biển Đông trong quan hệ Ấn Độ - ASEAN từ năm 2009 đến nay. *Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, 6, 9-17.
- Jiadong, Z., & Qian, S. (2019). China-India relations: A premature strategic competition between the dragon and the elephant. *Issues & Studies: A Social Science Quarterly on China, Taiwan and East Asian Affairs*, 55(3), 1-20.
- Li, Ch. Y., & Yang, X. Zh. (2019). China's cooperation with neighboring developing countries: Achievements and challenges ahead. *China Quarterly of International Strategic Studies*, 5(1), 33-48.
- Maung, A. M. (2007). *Sino-Myanmar economic relations since 1988* (Asia Research Institute Working paper No. 86). National University of Singapore.
- Michael, P. C., Rasler, K., & Thompson, W. R. (2008). *Strategic rivalries in world politics: Position, space and conflict escalation*. Cambridge University Press.

- Ministry of Defense. (2007). *Freedom to use the seas, India's maritime military strategy*. Integrated Headquarters.
- Ministry of External Affairs. (2015, July 20). *IISS Fullerton lecture by Dr. S. Jaishankar, foreign secretary in Singapore*. Government of India. <https://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/25493/iiss+fullerton+lecture+by+dr+s+jaishankar+foreign+secretary+in+singapore#contentStart>
- Ministry of External Affairs. (2015, December 23). *Act East Policy*. Government of India. <https://pib.gov.in/newsite/printrelease.aspx?relid=133837#:~:text=The%20Objective%20of%20Act,States%20of%20North%20Easter%20Region>
- Ministry of External Affairs. (2022, May 9). *Overview of India-ASEAN-relations*. Government of India. [https://mea.gov.in/Portal/ForeignRelation/ASEAN India Brief May 2022.pdf](https://mea.gov.in/Portal/ForeignRelation/ASEAN%20India%20Brief%20May%202022.pdf)
- Mishra, R. (2014, December 1). *From Look East to Act East: Transitions in India's Eastward Engagement*. The ASAN Forum. <http://www.theasanforum.org/from-look-east-to-act-east-transitions-in-indias-eastward-engagement/>
- Modi, N. (2014, November 12). *Remarks by the Prime Minister at 12th India-ASEAN Summit, Nay Pyi Taw, Myanmar*. Government of India. [http://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/24236/Remarks by the Prime Minister at 12th IndiaASEAN Summit Nay Pyi Taw Myanmar](http://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/24236/Remarks%20by%20the%20Prime%20Minister%20at%2012th%20India%20ASEAN%20Summit%20Nay%20Pyi%20Taw%20Myanmar)
- Modi, N. (2019, November 3). *ASEAN is and always will be the heart of our Act East Policy*. Narendra Modi. <https://www.narendramodi.in/text-of-pm-s-opening-statement-at-16th-asean-india-summit-in-bangkok-547190>
- Mohan, M. (2006, January 03). *EAC: More an East Asian cacophony*. Straits Times.
- Mukherjee, R. (2019). Looking West, acting East: India's Indo-Pacific strategy. *Southeast Asian Affairs*, 43-52.
- Muni, S. D. (2002). *China's strategic engagement with the new ASEAN*. Nanyang Technological University.
- Muni, S. D. (2011). *India's 'Look East' Policy: The strategic dimension* (ISAS Working Paper No. 121). Institute of South Asian Studies, National University of Singapore. [https://www.files.ethz.ch/isn/126612/ISAS Working Paper 121- Email-India%27s %27look-east%27 policy the strategic dimension 01022011145800.pdf](https://www.files.ethz.ch/isn/126612/ISAS_Working_Paper_121-Email-India%27s%27look-east%27_policy_the_strategic_dimension_01022011145800.pdf)
- Muni, S. D., & Mishra, R. (Eds.). (2019). *India's eastward engagement: From antiquity to Act East Policy*. SAGE Publications India Pvt Ltd.
- Nachiappan, K. (2021). India-ASEAN relations: Riding and transcending the Indo-Pacific wave. *The Journal of Indian and Asian Studies*, 2(2), 2140004.
- Ngọc, T. (2022, June 16). *Nâng tầm quan hệ ASEAN-Ấn Độ lên đối tác chiến lược toàn diện*. VietnamPlus. <https://www.vietnamplus.vn/nang-tam-quan-he-aseanan-do-len-doi-tac-chien-luoc-toan-dien/799142.vnp>
- Ngô, M. Đ., & Ngô, M. T. (2017). Quan hệ thương mại hàng hóa Ấn Độ - ASEAN: Thực trạng và giải pháp. *Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á*, 1, 1-12.
- Nguyễn, H. (2020, August 26). *Nền kinh tế 3.000 tỷ USD của người Hoa ở Đông Nam Á*. Công an nhân dân online. <https://cand.com.vn/Kinh-te-Van-hoa-The-Thao/Nen-kinh-te-3-000-ty-USD-cua-nguoi-Hoa-o-Dong-Nam-A-i578478/>
- Palit, A. (2017). India's economic and strategic perceptions of China's maritime silk road initiative. *Geopolitics*, 22, 292-309.
- Paul, R. V., & Mark, V. K. (2001). *Lý luận quan hệ quốc tế*. Học viện Quan hệ quốc tế.
- Press Trust of India. (2014, August 24). Time for 'Act East Policy' and not just 'Look East': Swaraj. *Business Standard*. http://www.business-standard.com/article/pri-stories/time-for-act-east-policy-and-not-just-look-east-swaraj-114082400624_1.html
- Pubby, M. (2020, March 10). *In a first, India figures on arms exporters list*. The Economic Times. <https://economictimes.indiatimes.com/news/defence/in-a-first-india-figures-on-arms-exporters-list/articleshow/74557571.cms>
- Ram, A. N. (Ed.) (2012). *Two decades of India's Look East Policy: Partnership for peace, progress and prosperity*. Manohar Publishers & Distributors.
- Rana, K. S. (2015). Modi Acts East: The emerging contours of India's foreign policy. *ISIS Focus*, 1-7.

- http://www.isis.org.my/files/IF_2015/IF4/1/SIS_Focus_4_2015_1.pdf
- Saw, S.-H. (Ed.). (2007). *ASEAN-China economic relations*. ISEAS-Yusof Ishak Institute.
- Shambaugh, D. (2005). China engages Asia: Reshaping the regional order. *International Security*, 29(3), 64-99.
- Singh, H. (2022, July 01). *ASEAN-India relations: Potential for further growth*. Institute of South Asian Studies, National University of Singapore.
<https://www.isas.nus.edu.sg/papers/asean-india-relations-potential-for-further-growth/>
- Singh, J. (1998). Against a nuclear apartheid. *Foreign Affairs*, 77(5), 41-52.
- Singh, M. (2005, January 7). *PM's inaugural speech at Pravasi Bharatiya Divas*. Former Prime Minister of India – Dr. Manmohan Singh.
<http://archivepmo.nic.in/drmanmohansingh/speech-details.php?nodeid=60>
- Sinha, S. Y. (2003, September 29). *Speech by External Affairs Minister Shri Yashwant Sinha at Harvard University*. Ministry of External Affairs, Government of India.
http://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/4744/Speech_by_External_Affairs_Minister_Shri_Yashwant_Sinha_at_Harvard_University
- Sridharan, E. (2017). Possible future directions in Indian Foreign Policy. *International Affairs*, 93(1), 51-68.
- Sundararaman, S. (2018). India-ASEAN relations: Acting East in the Indo-Pacific. *International Studies*, 54(1-4), 62-81.
- The ASEAN Secretariat. (2021, November 24). *Overview of ASEAN-China dialogue relations*. Association of Southeast Asian Nations.
<https://asean.org/wp-content/uploads/2021/11/Overview-of-ASEAN-China-Relations-24-Nov-2021.pdf>
- Tôn, S. T. (2018). Những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới chính quyền Modi. *Nghiên cứu quốc tế*, 12, 119-138.
- Trivedi, S. (2010). Early Indian influence in Southeast Asia: Revitalizing partnership between India and Indonesia. *India Quarterly*, 66, 51-67.
- Tyagi, R., Bansal, A., Kaul, V., & De, D. (2017). India-ASEAN FTA: Analysis of cooperation in transportation sector. *Information Technology and Quantitative Management*, 122, 759-766.
- Võ, X. V. (chủ biên) (2021). *Cạnh tranh chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc ở Đông Nam Á*. NXB Thế giới.
- Vũ, Đ. L., & Ninh, X. T. (chủ biên) (2021). *Cạnh tranh Trung - Ấn tại Đông Nam Á*. NXB Chính trị quốc gia sự thật.
- Vũ, T. V. D., & Bùi, T. T. H. (2021). Vấn đề biển Đông và chính sách ngoại giao xung quanh của Trung Quốc sau Đại hội XVIII. *Nghiên cứu Trung Quốc*, 8, 74-86.
- Wan-Ping, T., & Soong, J. J. (2014). Trade relations between China and Southeast Asia: Strategy and challenge. *The Chinese Economy*, 47, 23-39.
- World Bank. (2020). *WITS - World Integrated Trade Solutions*. <http://wits.worldbank.org>
- Xi, J. P. (2013, October 25). *XiJinPing zai zhoubian waijiao gongzuo zuotan hui shang fabiao zhongyao jianghua*. Renminwang.
<http://politics.people.com.cn/n/2013/1025/c1024-23332318.html>
- Zhang, M., & Li, R. (2017). The impact of China's economic restructuring on Southeast Asia: An investment perspective. *International Journal of China Studies*, 8, 183-197.

INDIAN STRATEGIC CHANGES IN SOUTHEAST ASIA IN THE COMPETITION WITH CHINA AFTER THE COLD WAR

Tran Ngoc Dung, Nguyen Duy Thai

*Ho Chi Minh National Academy of Politics,
135 Nguyen Phong Sac Street, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Chinese noticeable development after the Reform 1978 and its recent changes in policies to Southeast Asia affect the power balance in the region and threaten the Indian influence there. Since 1991, India has changed from the “Look East Policy” to the “Act East Policy” to maintain its position and influence over Southeast Asian countries. This paper wants to analyze the role and impact of China, especially the Chinese – Indian competition towards Indian strategical changes in Southeast Asia after the Cold War; and the differences between the LEP and the AEP to show Indian changes in policies and perspective in Southeast Asia. The article argues that India policies in this region are reactions and responses towards Chinese expansion rather than proposing a new strategy to constructively cooperate in Southeast Asia.

Keywords: Chinese – India competition, India strategy in Southeast Asia, Look East Policy, Act East Policy